

Để có tiếng nói chung về các văn bản *Truyện Kiều*

Lê Thành Lân

Viện Công nghệ thông tin

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm

Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004

Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Gần đây việc thảo luận về *Truyện Kiều* đang trở nên sôi nổi trên các báo chí, trên diễn đàn văn học và ngôn ngữ. Cuộc *Hội thảo Quốc tế về chữ Nôm* vào giữa tháng 11 năm 2004 đã dành hẳn một trong sáu phiên họp để thảo luận về “văn bản và chữ nghĩa *Truyện Kiều*”; đây là phiên họp sôi nổi nhất và còn “vượt khung thời gian” lấn sang phiên họp cuối cùng trước khi tổng kết hội thảo. Việc xuất bản các bản *Kiều* Nôm cổ chép tay và in ván cũng được tiến hành hối hả như một cuộc “chạy đua” vừa như để “định vị” và “cắm mốc”, vừa như để tiếp cận thị trường. Đối với đông đảo độc giả thì đây là điều tốt vì đó là cơ hội để có thể có trong tay các bản *Kiều* Nôm khác nhau mà trước đây chỉ được nghe nói tới, thậm chí có những bản chưa từng được nhắc đến. Tuy vậy cũng có điều đáng phàn nàn, khi họ cảm thấy người in sách (nhà xuất bản và soạn giả) dường như làm công tác “tiếp thị” hơi vội vàng và có phần “quá đà”, bởi cứ vài tháng người đọc lại thấy xuất hiện một bản *Kiều* Nôm cổ hơn “bản cổ nhất” mà họ vừa mua.

Qua sách báo và các cuộc thảo luận, nhiều vấn đề mới được đặt ra, có nhiều ý kiến mới và có cả những ý kiến dường như trái ngược nhau, con đường nghiên cứu *Truyện Kiều* đang rộng mở. Thật đáng mừng! Tại cuộc Hội thảo trên, GS Nguyễn Quang Hồng đặt ra câu hỏi: Liệu ở ta đã hình thành các trường phái nghiên cứu *Truyện Kiều* chưa? Giáo sư còn bỏ ngỏ, không tự trả lời câu hỏi đó mà chỉ gợi ra rằng mỗi trường phái thường có một phương pháp luận đặc trưng riêng của mình. Theo chúng tôi thì dường như chưa thể hình thành các trường phái, bởi các ý kiến khác nhau thường chỉ ở những vấn đề cụ thể, nhiều khi còn chưa hiểu hết ý nhau. Một hệ thống các phương pháp mới trong nghiên cứu văn bản *Truyện Kiều* nói riêng và nghiên cứu *Truyện Kiều* nói chung chỉ mới đang trong quá trình hình thành.

Việc công bố trên tờ *Hợp lưu* số 29 năm 1996 bài *Nói chuyện với bác Hãn* do Thụy Khuê thực hiện (chúng tôi chỉ được đọc qua bài *Trả lời phỏng vấn đài R.F.I (Cộng hoà Pháp)* trong bộ sách *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn*, tập I, trang 422-486) và bài *Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về Truyện Kiều* (là một trong ba phần của bài trên) trên *Tạp chí Văn học* tháng 3 năm 1997¹ (được in lại trong *Văn bản Truyện Kiều. Nghiên cứu và thảo luận* của Đào Thái Tôn do Sở Văn hoá - Thông tin, Hà Tĩnh, năm 2003, trang 243-274) đã mở ra một giai đoạn mới trong việc nghiên cứu *Truyện Kiều* với một phương pháp hoàn toàn mới, đó là phương pháp văn bản học hiện đại. Có thể có người chưa nhận ra, có người chưa chịu thừa nhận điều này, nhưng bằng việc làm của mình họ đang hưởng ứng và đã bị cuốn hút vào trào lưu mới này.

Trước đó gần một trăm năm, vào năm 1902, Kiều Oánh Mậu cho ấn hành bản *Nôm Đoạn trường tân thanh* cũng đã mở ra, vào lúc đó, một giai đoạn mới trong việc nghiên cứu *Truyện*

¹ Đáng tiếc, cả hai bản in trong nước đều có thiếu sót: *Tạp chí Văn học* đã lược bỏ các câu hỏi của bà Thụy Khuê làm cho bài trả lời phỏng vấn mất đi sự mạch lạc; còn bộ sách trên thì không ghi các chữ Nôm vào các dấu ngoặc vuông dành cho chúng. Để có thể theo dõi một cách đầy đủ hơn độc giả cần phải kết hợp xem cả hai văn bản.

Kiều với nội dung chủ yếu là bình chú. Bản Quốc ngữ *Truyện Thuý Kiều* của Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim in vào năm 1925 đã cùng với bản Nôm đó góp phần quan trọng vào việc quảng bá rộng rãi *Truyện Kiều* trong nhân dân.

Cả hai sự kiện đó đều đã manh nha từ trước, cái thời điểm nói trên chỉ là những dấu mốc tương đối trong tiến trình nghiên cứu.

Việc bình chú *Truyện Kiều* đã được các Tiên sĩ làm quan trong triều đình Huế làm trước đó hàng chục năm. Kiều Oánh Mậu chỉ là người tiếp thu, tập hợp, lựa chọn, phát triển và làm một tập đại thành. Song, có một điều đáng tiếc là bên cạnh việc bình chú có tác dụng rất to lớn là một quá trình nhuận sắc; mà điều đó có nghĩa là tiến hành sửa chữa *Truyện Kiều* sao cho "hay hơn (!)" theo ý kiến chủ quan của từng soạn giả. Gần đây nhiều nhà nghiên cứu đã nhận ra rằng việc nhuận sắc này đã làm cho *Truyện Kiều* có thêm nhiều dị bản và càng ngày càng xa rời nguyên tác. Tuy biết rằng “nguyên tác là vàng”, nhưng nhiều người vẫn còn vắn vưng và luyến tiếc những câu những chữ đã quá quen thuộc, được đông đảo quần chúng nhân dân thuộc lòng mà đó thường là những câu chữ ở bản Kiều Oánh Mậu.

Từ lâu, Học giả Hoàng Xuân Hãn đã nhận thấy sự trệch hướng này và cặm cụi một mình đi theo một hướng khác. Học giả cho rằng “bản Nôm ấy (bản Phường –LTL chú) ... chưa chắc in lúc đó (thời Phạm Quý Thích – LTL chú) đâu” và “chỉ có bản chép tay thôi, chứ không có bản in (bản Kinh Tự Đức cho in – LTL chú) ở trong Huế”. Học giả cho rằng các bản Nôm càng sớm càng quý và từ lâu Học giả đã để tâm sưu tầm các bản Nôm thời Tự Đức, thậm chí có thể có những bản chép tay còn sớm hơn nữa để làm chỗ dựa mong tìm lại các câu các chữ có nhiều khả năng là của Nguyễn Du. Đáng tiếc là công việc đã kéo dài khoảng năm chục năm mà đành dang dở, thời gian không cho phép Học giả hoàn thành công trình này. Điều may mắn đối với chúng ta là trước khi mất, Học giả còn kịp thổ lộ đôi điều tâm huyết trong bài trả lời phỏng vấn. Cũng cần thông cảm với Học giả, vào tuổi ấy, trong một cuộc phỏng vấn dài, đề cập đến nhiều vấn đề mà *Truyện Kiều* chỉ là một phần trong số đó, nên không khỏi có đôi lúc dùng từ thiếu chính xác, có những ý chưa được diễn đạt cho trọn nghĩa, có những thí dụ chưa đắt, có những câu nói nhịu. (Chúng tôi cũng đã từng một vài lần phải trả lời phỏng vấn của đài truyền hình, đài phát thanh và báo chí. Trong những cuộc trả lời phỏng vấn như vậy, quả thật, rất dễ bị lúng túng, sau đó chúng tôi đều có xem lại để sửa chữa, nên mới bớt được những sai sót. Trong khi đó bài nói của Học giả được công bố sau khi cụ đã mất). Loại bỏ những hạn chế nói trên, bài trả lời phỏng vấn toát lên một cách nhìn mới, một phương hướng nghiên cứu mới và thật sự nó đã thổi một luồng gió mới vào không khí nghiên cứu *Truyện Kiều*.

- Một cuộc trao đổi sôi nổi trên báo chí xung quanh bài trả lời phỏng vấn của Học giả Hoàng Xuân Hãn đã được tiến hành một cách tự phát và dường như ngẫu nhiên. Qua đó các ý kiến của Học giả càng được khẳng định và càng được sáng tỏ.

- Phát huy ý kiến của Học giả và cũng là nhằm gạt bỏ những lương vướng với những định kiến về các bản *Kiều* Nôm quý, Đào Thái Tôn đã viết một loạt bài và sau đó cho in cuốn sách *Văn bản Truyện Kiều. Nghiên cứu và thảo luận* (đã xuất bản hai lần) để phủ định những lời truyền về sự tồn tại của 3 văn bản *Kiều* Nôm vốn vẫn được coi là quý nhất: “bản Phường do Phạm Quý Thích in”, “bản Kinh do Tự Đức cho in” và “bản Tiên Điền do cụ nghè Mai còn giữ được có tự tích của Nguyễn Du” .

- Theo gợi ý từ bài trả lời phỏng vấn nói trên, Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn đã khảo cứu các chữ huý, các chữ gốc Huế, các chữ gốc Nghệ – Tĩnh ... và đặc biệt là các từ Việt cổ trong bản *Kiều* của Duy Minh Thị 1872 và một phần ở cả bản Liễu Văn Đường 1871. Giáo

sư đã viết một loạt bài báo và cho ấn hành hai cuốn sách: *Tư liệu Truyện Kiều. Bản Duy Minh Thị 1872*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002 và cuốn *Tư liệu Truyện Kiều. Từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*. Nxb Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2004. Các công trình này quý giá ở chỗ nó đã được tiến hành với một kiến thức sâu sắc vốn là sở trường của Giáo sư theo phương pháp ngữ âm lịch sử, ngôn ngữ học so sánh và phương ngữ một cách bài bản và công phu, không chỉ dành riêng cho bản Duy Minh Thị mà còn có tác dụng to lớn trong việc khảo cứu tiếp các bản *Kiều* Nôm khác.

- Gần đây, một loạt các bản *Kiều* Nôm được ấn hành “tối tập” dường như lặng lẽ hưởng ứng cách làm của Học giả Hoàng Xuân Hãn về việc tìm những bản Nôm cổ, càng cổ càng quý và đó là một cơ hội tốt cho giới nghiên cứu *Truyện Kiều* có thêm hành trang để bước vào một chặng đường mới. Chắc chắn còn nhiều bản *Kiều* Nôm khác sẽ đến được tay đông đảo độc giả. Tuy vậy, cũng có điều đáng bàn là bản chép tay của Nguyễn Hữu Lập được hai nhà khảo cứu cho in quá khác nhau và dường như người nào cũng sửa khá nhiều, khiến giới nghiên cứu phải phân vân khi dùng chúng; ấy là chưa kể hơn một trăm năm “lưu lạc”, trôi nổi liệu có ai hạ bút viết thêm câu chữ nào vào bản đó không? Chỉ cứ vào mấy câu chú của Nguyễn Bá Triệu thì chúng ta tin rằng cũng có bút tích của “người khác” sau Nguyễn Hữu Lập.

Thế là chúng ta sẽ đứng trước một "rừng" các văn bản *Kiều* Nôm cổ. Ngay giờ đây đã có thể thấy có nhiều soạn giả lúng túng trong việc mô tả ngắn gọn từng văn bản mong nêu được một vài đặc điểm nổi trội của chúng, chẳng hạn nó là bản cổ nhất hay bản cổ vừa, nó là bản chép tay hay bản “in”, nó là bản Kinh hay bản Phường ...

Vấn đề đặt ra là, chúng ta cần sớm sơ bộ hình thành các tiêu chí để phân loại các văn bản *Truyện Kiều* để một khi đề cập đến một văn bản nào đó, ta có thể gán cho nó một vài từ như là các “từ khóa” (key words) mà qua đó độc giả biết ngay đặc điểm và giá trị của văn bản. Theo tôi, bước đầu tiên là phải làm tốt công việc phân loại văn bản. Bước thứ hai là khảo cứu từng loại văn bản để tìm ra những đặc trưng điển hình, chung nhất và sơ bộ đánh giá loại văn bản nào quý và quý nhất ở phương diện nào. Bước tiếp theo là đi sâu vào các câu các chữ của từng văn bản trong loại văn bản được xem là tốt, là có triển vọng. Thực ra cũng không hoàn toàn phải tiến hành theo các bước như vậy nếu như ta có một tiên lượng đúng hướng và không chủ quan; và lại ba bước công việc trên có sự hỗ trợ cho nhau và có khi phải làm đi làm lại các công việc đó nhiều lần. Như chúng tôi sẽ phân tích ở dưới đây, do định hướng bước đầu không đúng: đem phân ra các văn bản thuộc loại bản Phường hay bản Kinh rồi đi đến liệt kê những chỗ khác nhau giữa hai loại văn bản đó. Việc làm đó thật ra vô ích.

Về việc phân loại văn bản *Truyện Kiều* có hai vấn đề cần được thảo luận:

Một là nêu ra một hệ thống các tiêu chí để phân loại, các tiêu chí này là những đặc điểm nổi trội về nội dung hay hình thức cần thiết để mô tả đầy đủ và chính xác một văn bản. Trong quá trình nghiên cứu có thể xuất hiện thêm những tiêu chí mới (chẳng hạn giờ đây chúng ta bắt đầu chú ý đến tiêu chí về chữ huy) và cũng có thể có những tiêu chí sẽ không còn được xem là quan trọng nữa và có thể một ngày nào đó sẽ bị loại ra khỏi “tầm quan sát” (chẳng hạn ngay bây giờ đã có thể thấy tiêu chí về bản Phường, bản Kinh và bản Tiên Điền không còn ý nghĩa nữa).

Hai là đối với mỗi tiêu chí ta cần chọn ra một bộ vừa đủ các loại hình, sao cho các loại hình đó là rõ ràng, khác biệt nhau và nên đơn nhất, nghĩa là một văn bản chỉ nên thuộc một loại theo mỗi tiêu chí. Yêu cầu rõ ràng thể hiện ở chỗ mỗi khi ta xếp một văn bản vào một loại nào đó thì mọi người cũng dễ dàng nhất trí. Theo đó thì bản Phường hay bản Kinh là cách phân loại

không rõ ràng, bởi mỗi người hiểu chúng một cách khác nhau. Yêu cầu vừa đủ và đơn nhất thể hiện ở chỗ theo một tiêu chí thì một văn bản chỉ nên thuộc một loại duy nhất, chẳng hạn tiêu chí dạng văn bản chỉ cần phân làm hai là đủ, nhưng nên phân ra như thế nào: “bản chép tay” và “bản in ván” hay “bản chép tay” và “bản in” là chuẩn xác, dưới đây chúng tôi sẽ bàn kỹ.

Chúng tôi xin đề xuất một vài tiêu chí (số thứ tự ở đây chỉ nhằm phân biệt giữa các tiêu chí với nhau chứ không có ý ưu tiên đặt tiêu chí quan trọng ở trên):

1. Tiêu chí thứ nhất là **ngôn ngữ**, theo đó ta có các bản Nôm, bản Quốc ngữ, bản ngoại ngữ (Pháp, Đức, Anh, Tiệp Khắc, Ba Lan, Trung Quốc, Nhật, ý), bản song ngữ (như các bản chữ Nôm có phiên Quốc ngữ), bản tam ngữ (như bản Abel des Michels có Nôm, Quốc ngữ, Pháp) ... Trong giai đoạn hiện nay, hầu hết các nhà nghiên cứu đang quan tâm đến các bản Nôm vì nhiều lý do. Một là, gần đây, do sự gợi ý từ bài trả lời phỏng vấn của Học giả Hoàng Xuân Hãn: cần tìm về các bản Nôm càng cổ càng quý nên đã phát hiện được nhiều bản Nôm có niên đại sớm. Hai là, ngày nay phương tiện in ấn cho phép ta dễ dàng và nhanh chóng in ra các bản Nôm đó để cung ứng cho các nhà nghiên cứu. Ba là, nhiều nhà nghiên cứu có kinh nghiệm và chuyên sâu về các lĩnh vực khác nhau có liên quan đã và đang vào cuộc, chẳng hạn Giáo sư Nguyễn Tài Căn với sở trường về ngữ âm lịch sử về phương ngữ đã cho ra đời hai cuốn sách *Tư liệu Truyện Kiều. Bản Duy Minh Thị 1872* và cuốn *Tư liệu truyện Kiều từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*, qua đó đã giải mã được nhiều từ ngữ cổ khiến chúng ta hi vọng việc “đính ngoa” sẽ tiến được một bước dài, không còn lẩn quẩn ở việc “nhuận sắc”. Có thể mới hy vọng sớm tìm lại được các câu các chữ vốn là của Nguyễn Du. Bốn là, những kết quả nghiên cứu mới về chữ huý trong thời gian gần đây, nổi bật nhất là cuốn *Chữ huý Việt Nam qua các triều đại* của PGS Ngô Đức Thọ đã là chỗ dựa tốt cho việc khảo cứu niên đại các bản Nôm. Trước đây, người ta thường chú ý đến các bản Quốc ngữ, vì khó tiếp cận các bản Nôm và bởi thời đó người ta nặng về nhuận sắc, lúc này đây việc đó không còn là trọng tâm nữa.

2. Tiêu chí thứ 2 là **dạng văn bản** có 2 loại: “bản chép tay” và “bản in ván”. Cũng đề cập đến tiêu chí này, nhưng Nguyễn Khắc Bảo và Nguyễn Trí Sơn trong cuốn *Truyện Kiều. Bản cổ nhất – khắc in năm 1866. Liễu Văn đường – Tư Đức thập cửu niên*, Nxb Nghệ An, ở trang 24, 25 lại phân ra “bản chép tay” và “bản in” thành thử có đến 4 bản (Nguyễn Hữu Lập, A. Michels, Chiêm Văn Thị, bản do cụ Giản Chi lưu giữ) vừa là bản chép tay vừa là bản in. Phân loại như vậy là “hơi nhập nhằng”, không đơn nhất, thông tin không rõ ràng, lợi ích nhỏ và có thể còn dễ gây hiểu lầm. Theo cách phân loại mới thì bản Nguyễn Hữu Lập (tuy đã được Nguyễn Bá Triệu và Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và in), bản Abel des Michels (tuy ngày ấy có in) nhưng chỉ có thể xếp vào loại “bản chép tay” chứ không thể coi là “bản in ván” được và như thế mới nêu rõ được đặc điểm căn bản của các bản ấy ...

Một yêu cầu tối thiểu được đặt ra là khi cho in các bản Nôm cổ cần giữ cho được “nguyên trạng” của văn bản nhằm cung cấp cho giới nghiên cứu các văn bản quý hiếm khó tiếp cận, do ở xa, chỉ còn đọc bản. Đáng tiếc là điều đó không phải luôn luôn được các nhà phiên âm và khảo dị chú ý tới. Ta thấy bản Nôm chép tay của Nguyễn Hữu Lập – Tiểu Tô Lâm – Nọa Phu do Nguyễn Bá Triệu biên soạn (in lần thứ 2) vào năm 2000 và do Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị, in năm 2003 không còn “nguyên trạng” và khác nhau quá nhiều.

Ông Nguyễn Bá Triệu đã chủ trương “làm cho sạch sẽ” “những chú thích của Lâm Nhu Phu và của những người đọc sau” ở tầng giữa và những chữ chú xen vào đôi chỗ ở 2 tầng

kia. Các nhà nghiên cứu lại cần biết các dấu vết đó để như được đọc một văn bản gần nhất với văn bản đang lưu giữ tại nhà Giáo sư Đàm Quang Hưng; nhờ đó biết được toàn bộ thủ bút của Nguyễn Hữu Lập cũng như phân biệt được đâu là những chữ do người sau thêm vào. Chẳng hạn trong bản của ông còn giữ được 2 chữ “thập niên” trong bài tựa chữ Hán và có ghi chú: “mất mấy chữ, người khác viết thêm chữ “thập niên” khi phiên âm là rất quý, nhờ thế người đọc biết rõ: sau Nguyễn Hữu Lập đã có người “nhúng tay” vào văn bản; vì vậy không nên tin rằng tất cả các câu chữ trong bản này đều là thủ bút của Nguyễn Hữu Lập. Tất nhiên điều này cũng còn phải bàn lại vì 2 chữ “thập niên” này lại không thấy trong bài tựa chữ Hán ở bản của ông Nguyễn Quảng Tuân.

Bản của ông Nguyễn Quảng Tuân cho in dường như cũng không giữ được tính trọn vẹn của nguyên bản khiến giới nghiên cứu nghi ngại khi sử dụng; chẳng hạn rõ ràng nhất là bài thơ của Phạm Quý Thích chắc chắn không phải là thủ bút của Nguyễn Hữu Lập mà là một chế bản điện tử. Trong khi đó ở bản Nguyễn Bá Triệu, bài thơ này vẫn giữ được thủ bút của Nguyễn hữu Lập nhờ in chụp.

Trên *Kiến thức ngày nay* số 473 Đào Thái Tôn đã có ý ngờ về tờ bìa bản Nguyễn Hữu Lập được ông Nguyễn Quảng Tuân ngụy tạo nên viết: “Công bố văn bản cổ là phải hết sức trung thực với bản gốc. Tên văn bản như thế nào, phải để nguyên như thế, không được thay đổi hay thêm thắt gì vào văn bản. Tôi rất ngờ bản chụp mà NQT công bố. Ngay cả tờ bìa mang tên sách (*Đoạn trường tân thanh*) ông cũng không cho in trên đầu văn bản”. Trên *Kiến thức ngày nay* số 476 [chúng tôi – LTL – đọc bản in lại trong *Truyện Kiều. Nghiên cứu và thảo luận* của Nguyễn Quảng Tuân, Nxb Văn học, trang 309-317] ông Nguyễn Quảng Tuân trả lời rằng: “Ông [ĐTT] nói vậy là không xem kỹ quyển sách. Tôi đã **chụp** [LTL nhấn mạnh] lại *tờ bìa ở trang 19* để giới thiệu quyển sách và ở trang 35 tôi đã phiên âm đầy đủ tên tác giả, tên sách, tên người sao chép và cả năm sao chép”.

Thực ra không phải chỉ có ông Đào Thái Tôn “rất ngờ bản chụp mà NQT công bố”. Nguyễn Tuấn Cường trong bài *Đi tìm Lâm Noạ Phu (người san cải nên bản Kiều Nôm 1870)* trên tạp chí *Hán Nôm* số 3 (64) – 2004 cũng có lời chú: “Thực ra, chúng tôi cũng muốn đặt vấn đề nghi ngờ trang bìa bản *Kiều* 1870 vốn không phải là của bản gốc, bởi hai lý do: *thứ nhất*, các chữ trên trang bìa dường như được viết bằng bút mực chứ không phải bằng bằng bút lông, nét chữ có phần hơi khác với đường nét hoa mỹ trong các phần còn lại của văn bản; *thứ hai*, trang bìa ghi là “Hoan Châu Tiểu Tô Lâm Noạ Phu thư”, so với lời tựa ghi: “Hoan Châu Tiểu Tô Lâm Noạ Phu lập thư ...” thì thiếu mất chữ **Lập**. Chúng tôi ngờ rằng trang bìa gốc đã bị mất, trang bìa hiện còn là do người sau căn cứ theo thông tin trong lời tựa để chép lại, người chép có thể không hiểu (hoặc thiếu những thông tin cần thiết) giá trị của chữ **Lập** nên đã bỏ chữ ấy đi. Nếu có cơ hội khảo sát trực tiếp bản gốc thì có lẽ sẽ sáng tỏ đôi điều”.

Bản thân chúng tôi cũng ngờ tờ bìa đó không phải của bản gốc. Bản của Nguyễn Bá Triệu không thấy tờ bìa này, ông viết: “Sách viết tay, nhiều chỗ bài Tựa ở tờ bìa ngoài rách nát không đọc được”. Trong câu trên, nếu giữa 2 chữ “Tựa” và chữ “ở” có một dấu phẩy thì rõ hơn, nhưng chúng tôi hiểu rằng tờ bìa chắc là không đọc được nữa. Chúng tôi sẽ bàn về tờ bìa này trong một dịp khác.

3. Tiêu chí thứ 3 là *có hay không có soạn giả* (người *nhuận sắc hay bình chú*). Điều này quan trọng ở chỗ, theo Đào Thái Tôn, những bản Nôm in vắn không có ai “gắn tên mình vào đó” là những bản có khả năng ít bị sửa chữa nhất, nó “hồn nhiên” và do đó có nhiều khả năng còn bảo tồn được nhiều câu nhiều chữ của Nguyên Du. Nếu có người soạn

thảo thì nêu rõ người đó là ai và công việc (hay vai trò) cụ thể của họ là gì: chẳng hạn Duy Minh Thị đã trùng san, Chiêm Vân Thị đã chú đính, Nguyễn Hữu Lập đã san cải, Kiều Oánh Mậu đã chú thích (và nhuận sắc) ...

4. Tiêu chí thứ 4 là **nhà tàng bản** đối với các bản in ván, chẳng hạn: Liễu Văn Đường, Thịnh Mỹ Đường, Kim Ngọc Lô, Quán Văn Đường ...

5. Tiêu chí thứ 5 là **niên đại**. Đối với bản chép tay thì ghi năm hoàn thành hoặc khoảng thời gian chép. Về điều này chúng ta còn phải chú ý xem xét xem sau đó sách có bị thêm bớt hoặc sửa chữa gì không và nhất là giờ đây khi đem in chụp không nên sửa chữa gì, ngoài việc tẩy xóa những vết bản, nếu không vô tình ta đã “cải lão hoàn đồng” làm cho nó tái sinh vào cái lần sửa chữa cuối cùng. Đối với bản in ván thì khắc ván (hoặc in) năm nào, bởi có khi cùng một nhà tàng bản mà các lần in khác nhau thường vẫn khác nhau. Cũng có thể bản đến “bản thảo gốc” của bản in được hoàn thành năm nào, nếu như sau đó nó không bị sửa chữa nữa.

6. Tiêu chí thứ 6 là **địa điểm** hay là **xuất xứ** của văn bản. Đối với các bản in ván thì có thể có loại xuất xứ ở Hà Nội hay Phật Trấn (Trung Quốc). Đối với bản chép tay thì có thể xuất xứ tại Nghệ - Tĩnh như “bản Tiên Điền”, hay ở Huế như bản Nguyễn Hữu Lập, hay ở Thái Bình (như bản ở gia đình ông Bùi Văn Dật).

Đến đây ta cần bàn lại ba loại văn bản “quen thuộc”. “Bản Tiên Điền” để chỉ một bản duy nhất với ý niệm ban đầu rằng đây là bản có “tự tích” của Nguyễn Du thì nay hầu như không còn ai tin vào điều đó nữa và hình như đến nay bản này cũng đã thất lạc. Nếu tìm thấy một bản chép tay nào khác ở Nghệ – Tĩnh ta cũng không thể gọi nó bằng cái tên “bản Tiên Điền” được. Kiều Oánh Mậu dùng “bản Kinh” do Đào nguyên Phổ mang từ Huế ra Hà Nội, Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim dùng một “bản Kinh” khác, nhiều người khi khảo cứu không có một bản Kinh nào trong tay và mọi người thì đinh ninh rằng “bản Kinh” mà người đi trước dùng là bản do Tự Đức đưa in. Cái “bản Kinh” “trương truyền” là do vua Tự Đức cho khắc in thì giờ đây theo sự biện minh của Đào Thái Tôn, chẳng còn mấy ai tin vào “huyền thoại” đó nữa. Và như vậy, các bản Nôm chép tay dù xuất xứ ở Huế đi nữa thì đâu có dính dáng gì đến Tự Đức để mà gọi chúng là “bản Kinh”. Vì thế bản Nguyễn Hữu Lập chỉ nên gọi là bản Huế chứ không thể gọi là bản Kinh. Còn “bản Phưong” thì theo Kiều Oánh Mậu có đến mấy bản, chỉ những bản mà lúc đó ông biết, ông dùng, ông gọi như vậy, tức là được in trước đó mới có thể chắc chắn là bản Phưong. Những bản được in ra sau này liệu có thể gọi bằng cái tên là “bản Phưong” được hay không, ta cần phải bàn. Ngay như bản của Kiều Oánh Mậu (KOM) nên gọi là bản gì đây? Các nhà nghiên cứu không thống nhất. Trước đây nhiều người cho rằng bản KOM là “bản Kinh” thậm chí là “bản đại biểu cho bản Kinh”. Lúc đầu tôi cũng bị “mê hoặc” bởi ý kiến đó. Giáo sư Nguyễn Văn Hoàn là người đầu tiên cho rằng “bản KOM về cơ bản là một bản Phưong”. Giáo sư Nguyễn Đình Chú khi viết “Mỗi vài cảm nghĩ” thay cho Lời giới thiệu bản *Đoạn trường tân thanh* do Thế Anh phiên âm và khảo dị đã cho rằng: “bản Kiều Nôm của Kiều Oánh Mậu thuộc loại bản Phưong có giá trị nhất”. Có điều, đó không phải là “theo dư luận phổ biến”. Ông Nguyễn Quảng Tuân cho rằng: “... quyển *Đoạn trường tân thanh* do ông (Kiều Oánh Mậu) khảo đính và chú thích không thể coi là một bản Kinh được”. Rõ ràng, các ông đều có những lý riêng của mình. Giờ đây nghĩ kỹ, chúng tôi cho rằng có thể coi bản KOM là một “bản lai” (hybrid), nói một cách khác là “bản nước đôi” (từ này chúng tôi “mượn” của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn), bởi nó không còn “thuần chủng” nữa. Kiều Oánh Mậu đã tham khảo bản Kinh do Đào Nguyên Phổ tặng cùng với mấy bản Phưong rồi chọn lựa câu chữ ở cả hai, thậm chí có thể ông còn tham khảo thêm cả các bản

Quốc ngữ được in trước đó để nhuận sắc (theo cách hiểu của Đào Thái Tôn về câu: “nay nhân theo chữ Quốc ngữ mà soạn thành một bản khác để cho được nhất trí” = “nhưng y Quốc ngữ Tây tự lánh thành nhất bản”) và soạn ra bản của mình. Tóm lại theo chúng tôi, việc xếp loại “bản Phường”, “bản Kinh” và “bản Tiên Điền” nay không còn có ý nghĩa gì nữa, chúng không cho ta một ý niệm duy nhất, không có được một tiếng nói chung, chúng không chuyển tải được những thông tin cần thiết từ người viết đến người đọc, tóm lại nội hàm của chúng không rõ ràng. Chi bằng ta cứ nói bản này in ở đâu, bản nọ biên tập ở đâu, bản kia tìm thấy ở đâu là đủ, bởi còn nhiều tiêu chí khác giúp ta mô tả chính xác các đặc điểm của mỗi văn bản và chúng ta sẽ dễ dàng hiểu nhau hơn. Cho tới nay, khi so sánh các câu các chữ trong “cùng loại” “bản Kinh” (tạm gọi như vậy) hay bản Phường cũng thấy khác nhau nhiều, vậy nên việc tìm kiếm sự khác nhau giữa hai loại văn bản đó càng không có ý nghĩa gì và những con số thống kê về sự khác nhau đó cũng trở nên vô nghĩa.

7. Tiêu chí thứ 7 là **nơi lưu giữ và ký hiệu**. Đối với các bản chép tay mà chúng ta không tìm được xuất xứ, chỉ có độc bản thì tiêu chí này có ý nghĩa nhất định. Chẳng hạn cuốn *Kim Vân Kiều tân truyện* ký hiệu OR. 14844 hiện được lưu giữ ở Thư viện nước Anh (British Library), cuốn *Kim Vân Kiều truyện* ký hiệu VNb. 60 ở Thư viện Khoa học Trung ương ...

8. Tiêu chí thứ 8 là **có chữ huý hay không** và chữ huý thuộc đời vua nào. Tiêu chí này gần đây mới được quan tâm và dường như mới chỉ có bản Duy Minh Thị được GS Nguyễn Tài Cần khảo sát kỹ một cách bài bản.

9. Tiêu chí thứ 9 là **có dấu ấn phương ngữ hay không** và của địa phương nào. Tiêu chí này cũng mới được đặt ra và chưa rõ nét và nhất là có thể không đơn nhất.

Dựa vào việc phân loại theo các tiêu chí trên chúng ta có thể gọi tắt tên cho từng văn bản. Nếu xếp loại theo một tiêu chí mà một văn bản trở thành độc nhất, không thể trộn lẫn với các văn bản khác thì ta có thể dùng loại hình đó để làm tên gọi tắt, chẳng hạn: bản KOM (Kiều Oánh Mậu), bản AM (Abel des Michels), bản OR.14844 (ở thư viện nước Anh), bản Tiên Điền (do cụ nghề Mai giữ) ... Khi cần thiết ta có thể ta kết hợp thêm một tiêu chí phụ nữa để gọi, chẳng hạn bản LVĐ 1866 (Liễu Văn Đường 1866), bản LVĐ 1871 (Liễu Văn Đường 1871), hoặc là QT 1904 (Quảng tập 1904, tuy cũng của Liễu Văn Đường nhưng có soạn giả), QT 1914 (Quảng tập 1914), DMT 1872 (Duy Minh Thị 1872), DMT-BHC (Duy Minh Thị-Bảo Hoa Các 1879, ta không ghi tắt bằng niên đại vì năm này có 2 nhà tàng bản cùng in bản Duy Minh Thị), DMT-VNĐ (Duy Minh Thị-Văn Nguyên Đường 1879) ... Mấy bản Quốc ngữ (từ 39 đến 41) chúng tôi chưa được tiếp xúc nên việc ghi nhà xuất bản, ngôn ngữ, năm in ... có thể chưa chính xác Việc đặt tên gọi tắt này không cần phải thống nhất, thậm chí đối với từng soạn giả, nhưng có lẽ trong từng bài viết hoặc trong từng cuốn sách mà mỗi văn bản chỉ có một tên gọi tắt thì để cho độc giả rất nhiều.

Một khi chúng ta thống nhất được với nhau một số tiêu chí, một số loại hình, và dùng chúng để mô tả và phân tích các văn bản thì chúng ta sẽ nhanh chóng hiểu nhau, sẽ cùng chung tiếng nói và dễ đi đến đoán định đúng giá trị từng văn bản làm cơ sở cho việc tìm lại câu chữ vốn của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*.

Chúng tôi thử lập một bảng phân loại các văn bản *Truyện Kiều* như một phụ lục cho bài này. Vì không có trong tay, thậm chí chưa từng nhìn thấy một số văn bản, chúng tôi chỉ dựa vào việc mô tả của những người đi trước, chủ yếu là của Nguyễn Văn Hoàn và Nguyễn Quảng Tuân để lập bảng này. Tất nhiên còn thiếu rất nhiều (nhất là chúng tôi chưa liệt kê các bản ngoại ngữ)

và có những tiêu chí ở một vài văn bản còn bỏ trống hoặc sai lệch đôi chút vì chúng tôi chưa rõ. Nếu được các nhà nghiên cứu hưởng ứng, mở rộng thêm các tiêu chí, điền thêm các văn bản, nhất là các bản chép tay (và nơi lưu giữ chúng) vào bảng này cho được đầy đủ thì chắc nó sẽ là một công cụ tốt cho mọi nhà nghiên cứu.

Những ý kiến trên đây mới chỉ là những suy nghĩ bước đầu, vừa mới hình thành. Song, chúng tôi xin mạnh dạn đem ra trao đổi mong tranh thủ được ý kiến của các nhà nghiên cứu với hi vọng đóng góp được đôi điều nhỏ bé vào trào lưu chung mới khởi sắc trong việc nghiên cứu *Truyện Kiều*. Chắc chắn ý kiến của chúng tôi còn nhiều khiếm khuyết và bất cập, rất mong nhận được những ý kiến bổ chính và xây dựng.

Hà Nội , ngày 2 tháng 12 năm 2004

Lê Thành Lân

Địa chỉ: 50 Trần Xuân Soạn, Điện thoại: (84-4) 8 225 007, E Mail: lethanhlam@ioit.ncst.ac.vn.